

Bản án số: 42/2020/HS-ST

Ngày: 23-9-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D – TỈNH KHÁNH HÒA

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tín,

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thị Đang,
2. Ông Lê Quốc Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D – Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thành Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/HSST-QĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T (tên gọi khác: T Bé) – sinh năm 1984 tại Khánh Hòa; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố PĐ3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Văn Đ (sinh năm 1955) và bà Trần Thị B (sinh năm 1958); có vợ là Lê Thị Mỹ K (sinh năm 1991, đã ly hôn); bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/7/2019 đến nay tại nhà tạm giữ Công an huyện D, “có mặt”.

2. Nguyễn Minh K – sinh năm 1998 tại Khánh Hòa; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; con ông Nguyễn Văn Kh (đã chết) và bà Hồ Thị Xuân H (sinh năm 1968); bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/7/2019 đến nay tại nhà tạm giữ Công an huyện D, “có mặt”.

3. Nguyễn Văn K1 – sinh năm 1995 tại Khánh Hòa; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; giới

tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; con ông Nguyễn Văn Kh (đã chết) và bà Hồ Thị Xuân H (sinh năm 1968); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã, tạm giam từ ngày 25/9/2019 đến nay tại nhà tạm giữ Công an huyện D, “có mặt”.

4. Nguyễn Văn M (tên gọi khác: S) – sinh năm 1995 tại Khánh Hòa; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ 3, xã Đ, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; con ông Nguyễn P (sinh năm 1969) và bà Nguyễn Thị Ngọc Tr (sinh năm 1971); có vợ là Lữ Thị Bích N (sinh năm 1996, đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2015; tiền sự: không; tiền án: Ngày 25/8/2016, Tòa án nhân dân huyện D xử phạt 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong ngày 21/02/2019. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/01/2020 đến nay tại nhà tạm giữ Công an huyện D, “có mặt”.

5. Nguyễn Văn V (tên gọi khác: T) – sinh năm 1991 tại Khánh Hòa; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ 3, xã Đ, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 01/12; con ông Nguyễn P (sinh năm 1969) và bà Nguyễn Thị Ngọc Tr (sinh năm 1971); có vợ là Nguyễn Nhật H (sinh năm 1993), có 03 con (lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, “có mặt”.

6. Tô Thị Mộng H – sinh năm 1982 tại Khánh Hòa; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; con ông Tô Văn T (sinh năm 1958) và bà Nguyễn Thị B (sinh năm 1957); có chồng là Nguyễn Kim S (sinh năm 1981, đã ly hôn); có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, “có mặt”.

** Bị hại:*

1. Ông Lê Duy T1 (tên gọi khác: S) - sinh năm 1995, “có mặt”.

Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện D, Khánh Hòa.

2. Ông Trần Văn Tr1 - sinh năm 1996, “có mặt”,

Địa chỉ: Thôn M 1, xã L, huyện D, Khánh Hòa.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Võ Thị Minh H1, sinh năm 1980, “có mặt”,

Địa chỉ: Thôn Q, xã D H, huyện D, Khánh Hòa.

**Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1983, “vắng mặt”,

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ 3, thị trấn D, huyện D, Khánh Hòa.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh năm 1971, “có mặt”,

Địa chỉ: Thôn Đ 3, xã D Đ, huyện D, Khánh Hòa.

3. Bà Võ Thị A, sinh năm 1969, “có mặt”,
Địa chỉ: Thôn Q, xã D H, huyện D, Khánh Hòa.
4. Ông Lê Văn Th, sinh năm 1992, “có mặt”,
Địa chỉ: Thôn Q, xã D H, huyện D, Khánh Hòa.
5. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1993, “vắng mặt”,
Địa chỉ: Thôn A, xã D P, huyện D, Khánh Hòa.
6. Ông Nguyễn Tr, sinh năm 1958, “vắng mặt”,
Địa chỉ: Thôn 4, xã D P, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
7. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1963, “vắng mặt”
Địa chỉ: Thôn P, xã D P, huyện D, Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tô Thị Mộng H và Nguyễn Văn T có quan hệ tình cảm, sống với nhau như vợ chồng làm nghề cho vay tiền góp. Tháng 02/2019, H và T cho người phụ nữ tên H2 (chưa xác định nhân thân, lai lịch) vay số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Sau nhiều lần, H đòi tiền H2 nhưng không trả, đến tháng 4/2019, H2 bỏ đi để lại điện thoại cho Lê Văn Th (bạn trai của H2) sử dụng. H liên tục nhắn tin vào máy điện thoại Th đang sử dụng để đòi tiền nợ nên giữa H và Th xảy ra mâu thuẫn. Khoảng 20 giờ ngày 16/4/2019, Th gọi điện cho H thách thức H và Nguyễn Văn T lên quán nhậu của bà Võ Thị Minh H1 (ở thôn P, xã D P, huyện D) để gặp Th lấy tiền. Nguyễn Văn T chở H đến quán cà phê P ở ngã tư C thuộc xã D T, huyện D rồi gọi điện thoại cho Nguyễn Văn M và Nguyễn Văn V (Bị cáo V là anh ruột của bị cáo M) đi hỗ trợ cho Nguyễn Văn T và H để đòi nợ. M, V đồng ý và rủ thêm Nguyễn Minh K, Nguyễn Văn K1 (bị cáo K1 là anh ruột của bị cáo K) cùng đi. Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô về nhà ở tổ dân phố PD 3, thị trấn D lấy 02 cây mác bỏ vào bao nilong mang đi đến đối diện cà phê P đứng đợi. Một lúc sau, V và K1 đến thì Nguyễn Văn T đưa bao nilong đựng 02 cây mác cho V, V đưa cho K1 giữ, lúc này H từ trong quán cà phê Phương Nam đi ra đứng gần Nguyễn Văn T. Khoảng 10 phút sau, M và K đến, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 79T1-2935 (xe của ông Nguyễn Văn X) chở H, V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 79S7-3701 (xe của bà Nguyễn Thị Ngọc Tr, đã bán phế liệu) chở K1 cầm theo 02 cây mác, M điều khiển xe mô tô (không xác định biển kiểm soát, xe của bà Nguyễn Thị Ngọc Tr, đã bán phế liệu) chở K, cả nhóm cùng đi lên xã D P.

Khi đến đối diện trước quán của bà H1, Nguyễn Văn T dừng xe chặn lại và dặn cả nhóm “Tụi mày đứng ở đây chờ có gì thì vào giải vây cho anh”, rồi cùng H vào quán nói chuyện với Th được khoảng 10 phút thì hai bên xảy ra mâu thuẫn, kinh cãi dẫn đến đánh nhau, Nguyễn Văn T và H chạy ra ngoài. Thấy vậy, M, V mỗi người cầm một cây mác cùng K, K1 chạy vào trợ giúp cho Nguyễn Văn T và H. Lúc này Lê Văn Th, Lê Duy T1, Trần Văn Tr1 và Nguyễn Văn N (bạn của Th) đang ở trong quán, dùng vỏ chai bia, ghế nhựa trong quán ném vào phía Nguyễn

Văn T, H, K, K1, M và V. K1 và K xông vào nhưng không có hung khí, khi bị ném vỏ chai bia thì dừng lại, H dắt xe mô tô đi trước. Nguyễn Văn T cùng M và V xông vào đuổi đánh nhóm của Th. M dùng móc chém trúng vào người của ông Lê Duy T1 một cái thì Nguyễn Văn T chạy đến giật móc trên tay M tiếp tục chém trúng người Lê Duy T, Duy T bị thương tích ở vùng khuỷu tay trái và vùng đùi trái. Nguyễn Văn T tiếp tục cùng V đuổi đánh Trần Văn Tr1, Tr1 bỏ chạy bị trượt ngã thì Nguyễn Văn T và V dùng móc chém nhiều nhất vào tay phải, tay trái, lưng và vùng gót chân của Tr1 gây thương tích. Nhiều người can ngăn nên nhóm của Nguyễn Văn T bỏ đi về, ông Lê Duy T1 và ông Trần Văn Tr1 được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện.

Trung tâm pháp y tỉnh Khánh Hòa kết luận tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 150/TgT ngày 29/5/2019: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông Trần Văn Tr1 do thương tích gây nên hiện tại là 25% ; bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 151/TgT ngày 29/5/2019: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông Lê Duy T1 do thương tích gây nên hiện tại là 23%.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKSDK ngày 23/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố các bị cáo: Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn V, Nguyễn Minh K, Nguyễn Văn K1 và Tô Thị Mộng H về tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại điểm d khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự, thuộc trường hợp “Dùng hung khí nguy hiểm” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện D; các bị hại không yêu cầu bồi thường thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng số 32/CT-VKSDK ngày 23/6/2020, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134 (viện dẫn điểm a khoản 1 Điều 134); điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 05 (Năm) năm đến 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/7/2019.

- Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134 (viện dẫn điểm a khoản 1 Điều 134); điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 06 (Sáu) năm đến 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/01/2020.

- Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134 (viện dẫn điểm a khoản 1 Điều 134); điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng đến 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134 (viện dẫn điểm a khoản 1 Điều 134); điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh K, Nguyễn Văn K1 từ 04 (Bốn) năm đến 4 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù của Nguyễn Văn K1 tính từ ngày 25/9/2019, thời hạn tù của Nguyễn Minh K tính từ ngày 25/7/2019.

- Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134 (viện dẫn điểm a khoản 1 Điều 134); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Tô Thị Mộng H từ 02 (Hai) năm đến 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách từ 04 (Bốn) năm đến 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Các bị cáo đều hối hận về hành vi vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Những người làm chứng là ông Nguyễn Văn X, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Tr, ông Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa, có lời trình bày tại hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2]. Về hành vi phạm tội: Bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo Nguyễn Văn M, bị cáo Nguyễn Văn V, bị cáo Nguyễn Văn K1, bị cáo Nguyễn Minh K, bị cáo Tô Thị Mộng H đã Khai nhận quá trình thực hiện hành vi “*Cố ý gây thương tích*” đúng như nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân đã truy tố. Các bị cáo đã sử dụng 02 cây mã tấu có cán bằng gỗ và lưỡi bằng sắt là hung khí nguy hiểm, cố ý gây thương tích cho hai người là ông Lê Duy T1 với tỉ lệ tổn thương cơ thể 23% và ông Trần Văn Tr1 với tỉ lệ tổn thương cơ thể 25%. Lời Khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời Khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên bản Cáo trạng số 32/CT – VKSDK ngày 23/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D là có căn cứ, đúng pháp luật, đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo Nguyễn Văn M, bị cáo Nguyễn Văn V, bị cáo Nguyễn Văn K1, bị cáo Nguyễn Minh K và bị cáo Tô Thị Mộng H phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 3 Điều 134 (dẫn chiếu điểm a khoản 1 Điều 134) của Bộ luật hình sự.

[3]. Xét nhân thân, mức độ của hành vi phạm tội và vai trò của mỗi bị cáo trong vụ án: Hành vi “*Cố ý gây thương tích*” nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm sức khỏe của các bị hại mà còn làm cho tình hình trật tự tại địa phương càng trở nên phức tạp, nên cần phải xử phạt nghiêm mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo Nguyễn Văn M:

Bị cáo Nguyễn Văn T là người chủ mưu, cũng là người thực hành tích cực, trực tiếp gây thương tích cho hai bị hại nên cần xử lý nghiêm.

Bị cáo Nguyễn Văn M không khuyên ngăn bị cáo T mà tham gia tích cực, đã trực tiếp gây thương tích cho ông Lê Duy T1. Bị cáo có 01 tiền án với mức hình phạt 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự, chấp hành xong ngày 21/02/2019, không sửa đổi bản thân trở thành người công dân tốt cho xã hội mà tiếp tục phạm tội.

Tuy nhiên, bị cáo T và bị cáo M thành khẩn Khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường khắc phục một phần thiệt hại, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự cho hai bị cáo. Bị cáo T chưa có tiền án và tiền sự, các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T, cần cách ly hai bị cáo nêu trên khỏi xã hội. Mặc dù bị cáo M không phải là người chủ mưu nhưng lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do đó, cần xử phạt bị cáo M mức hình phạt cao hơn bị cáo T và các bị cáo khác là phù hợp.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn V, bị cáo Nguyễn Văn K1, bị cáo Nguyễn Minh K và bị cáo Tô Thị Mộng H:

Bị cáo Nguyễn Văn V là người thực hành tích cực sau bị cáo T và bị cáo M. Bị cáo V trực tiếp cùng bị cáo T gây thương tích cho ông Trần Văn Tr1.

Bị cáo Nguyễn Minh K, bị cáo Nguyễn Văn K1, bị cáo Tô Thị Mộng H là những người đồng phạm giúp sức về tinh thần cho bị cáo T, bị cáo M và bị cáo V. Bị cáo Nguyễn Văn K1 sau khi thực hiện hành vi “cố ý gây thương tích” đã bị bắt theo lệnh truy nã, gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng.

Tuy nhiên, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho bị hại, chưa có tiền án, chưa có tiền sự, các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, cần áp dụng quy định tại điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, áp dụng thêm Điều 54, Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo nêu trên, xử phạt các bị cáo này dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo sớm trở T người có ích cho xã hội.

Vai trò đồng phạm của bị cáo H thấp hơn so với các bị cáo khác trong vụ án nên cần xử phạt bị cáo H mức hình phạt thấp nhất, bị cáo H có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, đã ly hôn và đang nuôi 02 con nhỏ nên áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Tô Thị Mộng H, cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận tiền bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm của tất cả các bị cáo (ông Lê Duy T đã nhận 26.000.000 đồng, ông Trần Văn Tr 1 đã nhận 20.000.000 đồng), cụ thể: Bị cáo T bồi thường 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng), bị cáo H bồi thường 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), bị cáo K1 và bị cáo K mỗi bị cáo đã bồi thường 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), bị cáo V và bị cáo M mỗi bị cáo đã bồi thường 1.000.000 đồng

(Một triệu đồng). Tại phiên tòa, các bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Võ Thị Minh H2 không yêu cầu bồi thường liên quan đến các tài sản tại quán của bà H2 đã bị thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về Vật chứng vụ án: 02 (hai) cây mắc, mỗi cây có cán bằng gỗ tròn dài 75 cm, cây mắc thứ nhất có lưỡi bằng sắt, nhọn đầu dài 35,5 cm và cây mắc thứ hai có lưỡi bằng sắt, nhọn đầu dài 34 cm là công cụ phạm tội nên tịch thu, tiêu hủy các vật chứng này theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự (theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 24/6/2020 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D và Chi cục Thi hành án dân sự huyện D).

[6]. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo Nguyễn Văn M, bị cáo Nguyễn Văn V, bị cáo Nguyễn Văn K1, bị cáo Nguyễn Minh K và bị cáo Tô Thị Mộng H mỗi người phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm d Khoản 3 Điều 134 (dẫn chiếu điểm a Khoản 1 Điều 134), điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo Nguyễn Văn M, bị cáo Nguyễn Văn V, bị cáo Nguyễn Văn K1, bị cáo Nguyễn Minh K và bị cáo Tô Thị Mộng H;

Áp dụng Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo Nguyễn Văn V, bị cáo Nguyễn Văn K1, bị cáo Nguyễn Minh K và bị cáo Tô Thị Mộng H.

Áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn V, bị cáo Nguyễn Văn K1, bị cáo Nguyễn Minh K và bị cáo Tô Thị Mộng H. Áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Tô Thị Mộng H.

Áp dụng điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn M.

Áp dụng Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt:

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 05 (Năm) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, thời hạn tù tính từ ngày 26/7/2019.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn M 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, thời hạn tù tính từ ngày 31/01/2020.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn V 04 (Bốn) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn K1 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, thời hạn tù tính từ ngày 25/9/2019.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh K 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, thời hạn tù tính từ ngày 25/7/2019.

- Xử phạt: Bị cáo Tô Thị Mộng H 03 (Ba) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, **nhưng cho bị cáo được hưởng án treo**. Buộc bị cáo chấp hành thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa giám sát bị cáo trong thời gian thử thách.

Quy định: Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Tô Thị Mộng H cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù đối với hình phạt 03 (Ba) năm tù đã cho hưởng án treo; nếu phạm tội mới, thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù đối với hình phạt 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo Tô Thị Mộng H vắng mặt hoặc thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Về Vật chứng vụ án: Tịch thu, tiêu hủy các vật chứng theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 24/6/2020 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D và Chi cục Thi hành án dân sự huyện D:

- 01 (Một) cây mác cán bằng gỗ tròn dài 75 cm, lưỡi bằng sắt, nhọn đầu dài 35,5 cm, phần rộng nhất của lưỡi là 7 cm. Tổng chiều dài là 110,5 cm.

- 01 (Một) cây mác cán bằng gỗ tròn dài 75 cm, lưỡi bằng sắt, nhọn đầu dài 34 cm, phần rộng nhất của lưỡi là 6 cm. Tổng chiều dài là 109 cm.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo Nguyễn Văn M, bị cáo Nguyễn Văn V, bị cáo Nguyễn Văn K1, bị cáo Nguyễn Minh K và bị cáo Tô Thị Mộng H mỗi người phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Công an huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Bị cáo, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Tín

